

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 299/1998/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Về việc ban hành Quy tắc, Biểu phí, mức trách nhiệm
bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới*

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 28/10/1995;

Căn cứ Nghị định số 100/CP ngày 18/12/1993 của Chính phủ về kinh doanh bảo hiểm và Nghị định số 74/CP ngày 14/6/1997 sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 100/CP ngày 18/12/1993 của Chính phủ về kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 115/1997/NĐ-CP ngày 17/12/1997 của Chính phủ về chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các Ngân hàng và Tổ chức Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc, Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 504/TCBH ngày 20/11/1991 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Quy tắc và Biểu phí bảo hiểm xe cơ giới và Quyết định số 715/TC/BH ngày 19/10/1993 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc điều chỉnh mức trách nhiệm và phí bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tài chính các Ngân hàng và Tổ chức Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thi hành Quyết định này./.

QUY TẮC BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI

(Ban hành theo Quyết định số 299/1998/QĐ-BTC

ngày 16 tháng 3 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chủ xe cơ giới kể cả chủ xe là người nước ngoài sử dụng xe cơ giới trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

2. Phạm vi bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới trong Quy tắc này bao gồm:

Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do xe cơ giới gây ra đối với người thứ ba;

Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với hành khách theo hợp đồng vận chuyển hành khách.

Điều 2. Trong Quy tắc này các khái niệm dưới đây được hiểu như sau:

1. Người thứ ba: là những người bị thiệt hại về thân thể và tài sản do xe cơ giới gây ra loại trừ người trên xe, lái phụ xe và hành khách trên chính chiếc xe đó.

2. Hành khách: là những hành khách trên xe theo hợp đồng vận chuyển hành khách bị thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ.

3. Mức trách nhiệm bảo hiểm: là số tiền cao nhất mà doanh nghiệp bảo hiểm có thể phải trả trong mỗi vụ tai nạn xảy ra thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.

4. Hành động cố ý gây thiệt hại: là trường hợp một người nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây thiệt hại cho người khác mà vẫn thực hiện và mong muốn hoặc không mong muốn, nhưng để mặc cho thiệt hại xảy ra.

Điều 3. Hợp đồng bảo hiểm:

Giấy chứng nhận bảo hiểm do doanh nghiệp cấp theo yêu cầu của người được bảo hiểm là bằng chứng ký kết hợp đồng bảo hiểm giữa chủ xe cơ giới và doanh nghiệp bảo hiểm.

Điều 4. Phí bảo hiểm và mức trách nhiệm bảo hiểm:

Doanh nghiệp bảo hiểm và chủ xe cơ giới có trách nhiệm thực hiện bảo hiểm theo Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm tối thiểu ban hành kèm theo Quyết định số 299/1998/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Doanh nghiệp bảo hiểm có thể thoả thuận với chủ xe để bảo hiểm theo biểu phí và mức trách nhiệm cao hơn hoặc phạm vi rủi ro bảo hiểm rộng hơn theo Quy tắc bảo hiểm, Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

Điều 5. Hiệu lực bảo hiểm:

Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc theo quy định ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm khi chủ xe cơ giới đã đóng đủ phí bảo hiểm (trừ khi có thoả thuận hợp lệ khác).

Điều 6. Chuyển quyền sở hữu:

Trong thời hạn còn hiệu lực ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe mà chủ xe cơ giới không có yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm thì mọi quyền lợi bảo hiểm liên quan đến chiếc xe được bảo hiểm vẫn còn hiệu lực đối với chủ xe cơ giới mới.

Điều 7. Huỷ bỏ hợp đồng:

Trường hợp có yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm, chủ xe cơ giới phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm biết trước 15 ngày. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo huỷ bỏ, nếu doanh nghiệp bảo hiểm không có ý kiến thì hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên được huỷ bỏ, doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại cho chủ xe 80% phí bảo hiểm của thời gian huỷ bỏ, trừ trường hợp trong thời hạn hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm liên quan đến chiếc xe có yêu cầu huỷ bỏ bảo hiểm.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ xe cơ giới:

1. Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe cơ giới phải kê khai đầy đủ và trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.
2. Khi tai nạn giao thông xảy ra, chủ xe cơ giới phải có trách nhiệm:

2.1. Cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn, báo ngay cho cảnh sát giao thông nơi gần nhất để phối hợp giải quyết tai nạn. Trừ khi có lý do chính đáng, trong vòng 5 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn, chủ xe cơ giới phải gửi cho doanh nghiệp bảo hiểm thông báo tai nạn;

2.2. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến của doanh nghiệp bảo hiểm, trừ trường hợp làm như vậy là cần thiết để đảm bảo an toàn cho người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

2.3. Bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho doanh nghiệp bảo hiểm trong phạm vi số tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường kèm theo toàn bộ chứng từ cần thiết có liên quan trong trường hợp vụ tai nạn có liên quan tới trách nhiệm của người thứ ba.

3. Chủ xe cơ giới phải trung thực trong việc thu thập và cung cấp các tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình xác minh tính chân thực của các tài liệu, chứng từ đó.

4. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng xe, chủ xe cơ giới mới phải thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm biết để điều chỉnh lại tỷ lệ phí bảo hiểm cho phù hợp.

Nếu chủ xe cơ giới không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trên thì doanh nghiệp bảo hiểm có thể từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường tương ứng với thiệt hại do lỗi của chủ xe cơ giới gây ra.

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm:

1. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm:

Cung cấp cho chủ xe cơ giới Quy tắc, Biểu phí và mức trách nhiệm liên quan tới bảo hiểm TNDS của chủ xe cơ giới;

Hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi để chủ xe cơ giới tham gia bảo hiểm.

2. Đối với những vụ tai nạn đặc biệt nghiêm trọng (tai nạn gây chết người hoặc bị thương nhiều người hoặc thiệt hại về tài sản từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) trở lên, doanh nghiệp bảo hiểm phải phối hợp chặt chẽ với chủ xe cơ giới và các cơ quan chức năng ngay từ đầu để giải quyết tai nạn. Trường hợp cần thiết, doanh nghiệp bảo hiểm phải tạm ứng ngay

những chi phí cần thiết và hợp lý trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm nhằm khắc phục một cách tốt nhất hậu quả tai nạn.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm phối hợp với cơ quan công an để thu thập các giấy tờ cần thiết có liên quan tới vụ tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.

4. Khi hồ sơ bồi thường đầy đủ và hợp lệ, doanh nghiệp bảo hiểm phải tiến hành xét và giải quyết bồi thường trong thời hạn giải quyết bồi thường quy định tại Điều 16 dưới đây.

Điều 10. Bảo hiểm trùng:

Trường hợp bảo hiểm trùng cho cùng một xe cơ giới, chủ xe cơ giới phải thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm biết tên những doanh nghiệp bảo hiểm khác và số tiền bảo hiểm của từng hợp đồng đó, trừ khi hợp đồng bảo hiểm có quy định khác.

Trường hợp bảo hiểm trùng, trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp bảo hiểm sẽ căn cứ theo tỷ lệ tương ứng với số tiền bảo hiểm mà doanh nghiệp đã nhận bảo hiểm và tất cả các doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm ban hành kèm theo Quy tắc này.

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 11. Trách nhiệm bảo hiểm:

Trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán cho chủ xe cơ giới số tiền mà chủ xe cơ giới phải bồi thường theo Luật Dân sự về những thiệt hại đã xảy ra cho người thứ ba và hành khách chuyên chở trên xe theo hợp đồng vận chuyển do việc sử dụng xe cơ giới gây ra cụ thể:

1. Đối với con người: Được tính trên cơ sở các quy định tại hợp đồng vận chuyển - nếu có (đối với hành khách chuyên chở trên xe theo hợp đồng vận chuyển), chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút, bồi dưỡng, chăm sóc người bị hại trước khi chết, mai táng phí hợp lý... và mức độ lỗi của chủ xe. Tổng số tiền bồi thường không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm về người quy định tại Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 299/1998/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính;